ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /GPMT-UBND	*Hòa Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp tại Văn bản số 261/DH-ĐTXD ngày 26 tháng 5 năm 2025 đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 829/TTr-STNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp; địa chỉ tại: tầng 1, khu thương mại, tòa nhà ở xã hội Dạ Hợp, đường Lê Thánh Tông, tổ 5, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với dự án "Cụm công nghiệp Tiên Tiến" tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên Dự án đầu tư: Cụm công nghiệp Tiên Tiến.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5400252804 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 04/8/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 31/12/2024.

1.4. Mã số thuế: 5400252804.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm: Công nghiệp cơ khí chế tạo (không có xi mạ), cơ khí chính xác và các sản phẩm từ kim loại, thiết bị điện, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, sản phẩm công nghệ cao, máy móc thiết bị xây dựng, chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, thuốc thú y, thiết bị y tế, dược phẩm, thiết bị giáo dục và đồ chơi trẻ em, công nghiệp hỗ trợ và cho thuê kho nhà xưởng. Sản xuất nội thất phụ tùng ô tô, xe gắn máy, xe đạp, sản xuất keo dán công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng gia dụng, văn phòng phẩm, in ấn, mỹ phẩm; sản xuất công nghiệp da, giả da, giày da (không thuộc da, nhuộm da tươi) sản xuất công nghiệp bao bì, carton (không sử dụng bột giấy, không sản xuất bột giấy từ nguyên liệu thô); sản xuất công nghiệp may mặc (không có công đoạn giặt tẩy và dệt nhuộm); vật liệu xây dựng mới công nghệ cao (không sản xuất vật liệu xây dựng truyền thống như gạch đất nung; không sản xuất bê tông và đúc bê tông; Sản xuất linh kiện nhựa dùng trong thiết bị điện tử viễn thông (linh kiện sản phẩm điện tử), sản xuất khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao (phục vụ cho công nghiệp công nghệ cao), sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (sử dụng dây chuyền công nghệ cao, quy trình sản xuất khép kín, không gây ô nhiễm môi 3 trường), sản xuất thảm, chăn, đệm (không bao gồm công đoạn giặt, nhuộm), sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất chè, cà phê (không bao gồm công đoạn sơ chế nguyên liệu thô).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Tổng diện tích của dự án là 63,105 ha; Diện tích đã được giao đất, hoàn thiện hạ tầng và đề xuất cấp giấy phép môi trường 542.076,89 m^2.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký Giấy phép môi trường này. Giấy phép môi trường số 40/GPMT-BTNMT ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Uỷ ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án "Cụm công nghiệp Tiên Tiến" tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình" của Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, KH&CN, CT;
- UBND thành phố Hòa Bình;
- UBND xã Quang Tiến, TP Hòa Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp *(Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả);*
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 57 /GPMT-UBND ngày 25 / 6 /2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của khu nhà điều hành ban quản lý và nguồn nước từ dự án Khu nhà ở công nhân và dịch vụ công nghiệp xã Quang Tiến thành phố Hòa Bình được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đấu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp Tiên Tiến.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 3000 m^3/ngày đêm của Cụm công nghiệp Tiên Tiến ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung của đường nối Cụm công nghiệp Tiên Tiến với Khu công nghiệp Yên Quang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại hố ga nằm trên đường nối Cụm công nghiệp Tiên Tiến với Khu công nghiệp Yên Quang (theo văn bản chấp thuận vị trí đấu nối của Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình số 209/UBND-KTHT&ĐT ngày 20/06/2025)

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2321906.1956; Y = 438615.1846.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106^o, múi chiếu 3^o)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 3.000 m^3/ngày.đêm; 4,17 m^3/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến được dẫn ra hồ điều hòa, sau đó theo đường ống tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của đường nối Cụm công nghiệp Tiên Tiến với Khu công nghiệp Yên Quang.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A cụ thể như sau:

STT	**Thông số**	**Đơn vị**	**Giá trị giới hạn cho phép**	**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Quan trắc tự động, liên tục**
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không áp dụng quan trắc định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động theo quy định Điểm a Khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Đã lắp đặt
2	Nhiệt độ	^oC	40		
3	pH	-	6-9		
4	COD	mg/l	75		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50		
7	Độ màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	Không áp dụng
8	BOD_5 (20^oC)	mg/l	30		
9	Asen	mg/l	0,05		
10	Thủy ngân	mg/l	0,5		
11	Chì	mg/l	0,1		
12	Cadimi	mg/l	0,05		
13	Crom (VI)	mg/l	0,05		
14	Đồng	mg/l	2		
15	Kẽm	mg/l	3		
16	Niken	mg/l	0.2		
17	Mangan	mg/l	0,5		
18	Sắt	mg/l	1		
19	Tổng xianua	mg/l	0,07		

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
20	Tổng Phenol	mg/l	0,1		
21	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	5		
22	Sunfua	mg/l	0,2		
23	Florua	mg/l	5		
24	Tổng nitơ	mg/l	20		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4		
26	Clorua	mg/l	500		
27	Clo dư	mg/l	1		
28	Crom (III)	mg/l	0,2		
29	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3000		
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3		
32	Tổng PCB	mg/l	0,003		

Ghi chú: *Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp có trách nhiệm áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.*

"-": Không áp dụng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại nhà điều hành, khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến và nước thải của Khu nhà ở Công nhân và dịch vụ công nghiệp xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình (nguồn số 01) được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến, công suất 3.000 m^3/ngày đêm (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp Tiên Tiến (nguồn số 02) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Tiên Tiến trước khi được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến, công suất 3.000 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- 01 bể xây ngầm dưới tòa nhà điều hành, thể tích các ngăn của mỗi bể là V_1=2 m^3; V_2=V_3=1,5 m^3.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lắng đọng → Phân hủy sinh học → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất sử dụng: không

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công suất xử lý: 3.000 m^3/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ*:*

Nước thải phát sinh từ các đơn vị thứ cấp → Song chắn rác → Bể gom nước thải đầu vào (bể gom chung cho trạm xử lý) → Thiết bị lắng cát (bố trí 03 bể gồm lắng cát 01; 02 và 03) → Bể điều hòa (bể chung cho trạm xử lý)→ Thiết bị lắng hóa lý (bố trí 03 bể lắng hóa lý 01; 02 và 03) → Bể xử lý thiếu khí (bố trí 03 bể gồm thiếu khí 01; 02 và 03) → Bể xử lý hiếu khí (bố trí 03 hiếu khí 01; 02 và 03) → Bể trung gian (bố trí 03 bể gồm trung gian 01; 02 và 03) → Bể lắng vi sinh (bố trí 03 bể gồm lắng 01; 02 và 03) → Bể khử trùng (bể gom chung) → Mương quan trắc (bể gom chung) → Hồ điều hòa (hồ kiểm chứng chung) → Hệ thống thoát nước chung của đường nối Cụm công nghiệp Tiên Tiến với Khu công nghiệp Yên Quang.

- Sơ đồ công nghệ:

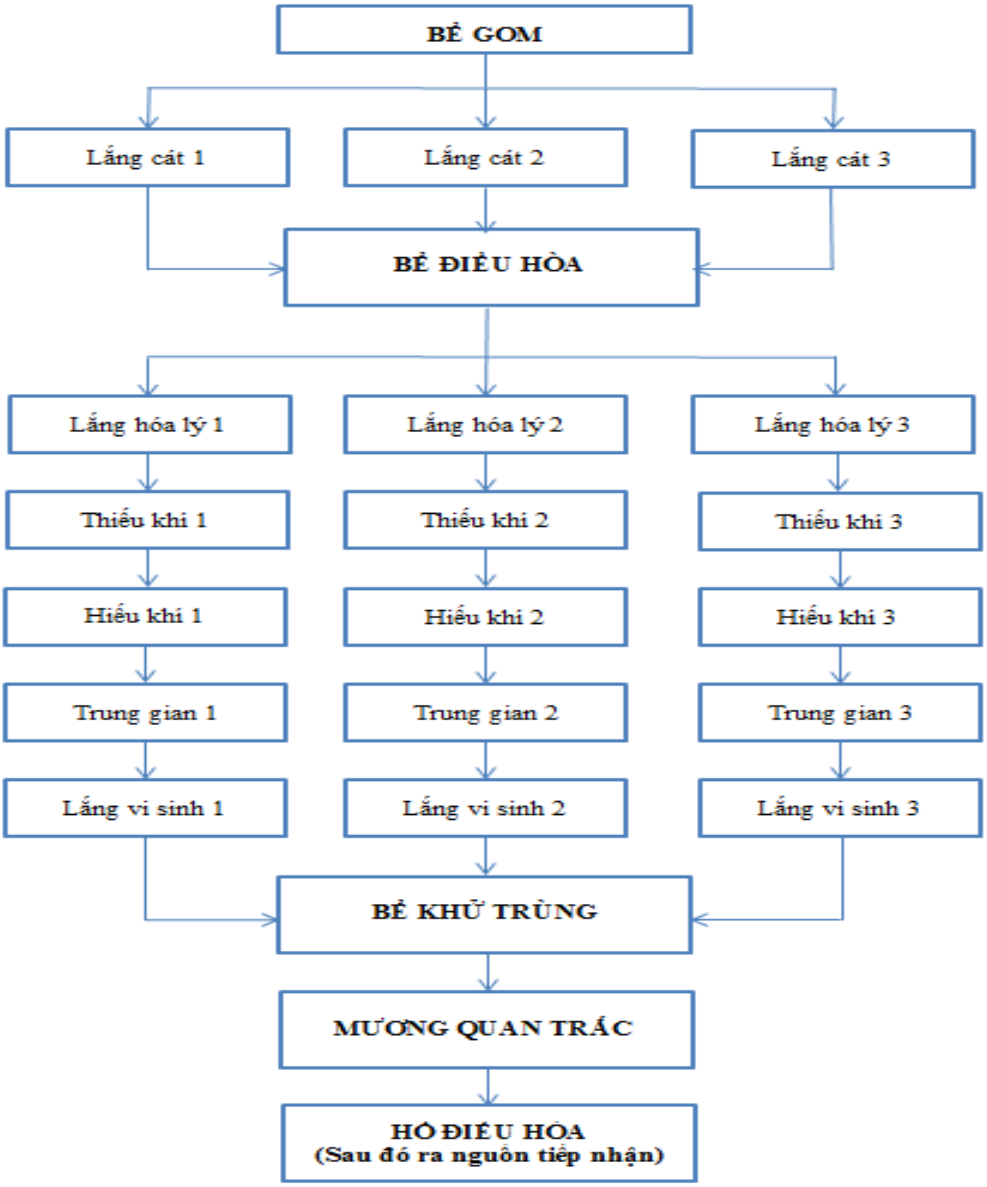

- Hóa chất sử dụng cho việc xử lý nước thải:

STT	Tên loại hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng (kg/ngày)
1	PAC	kg/ngày	55
2	A-Polymer	kg/ngày	0,1
3	Soda	kg/ngày	60
4	Mật rỉ đường	kg/ngày	30
5	Metanol	Lít/ngày	80
6	javen	kg/ngày	25

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đã lắp đặt).
- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera giám sát: Đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục đã được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố có thể tích thiết kế 2.520 m^3 được lót đáy bằng bạt nhựa HDPE chống thấm.

- Đã trang bị 01máy phát điện dự phòng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 250kVA để ứng phó, khi có sự cố mất điện.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải; trang bị một số thiết bị dự phòng cho các máy móc dễ hư hỏng như máy bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ, đúng quy định để kịp thời phát hiện sự cố.

- Đảm bảo vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các cơ sở thứ cấp: Thường xuyên kiểm tra việc xả nước thải của các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp Tiên Tiến thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của các cơ sở thứ cấp; lập danh sách các cơ sở thứ cấp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ kiểm tra và lấy mẫu kiểm tra đột xuất nước thải các cơ sở này.

- Khi chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến, kiểm tra chất lượng nước thải của các cơ sở thứ cấp nghi vấn, lập biên bản đối với cơ sở xả nước thải không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận; các doanh nghiệp không bị vượt chuẩn vẫn xả thải bình thường. Đồng thời, tăng thời gian lưu của bể điều hòa, tăng cường sục khí, tăng thời gian tuần hoàn bùn… để tăng hiệu quả xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến bị sự cố, thực hiện đóng van xả ra nguồn tiếp nhận, mở van dự phòng dẫn toàn bộ nước thải vào hồ sự cố. Toàn bộ lượng nước thải từ trạm xử lý sẽ được

lưu trữ trong hồ sự cố diện tích 1.200 m^2, thể tích 2.520m^3 và 01 bể điều hòa chung (sau cải tạo, bổ sung 01 bể điều hòa cho hệ thống xử lý) dung tích chứa 1.343m^3. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải sẽ được bơm về đầu vào HTXL tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung ngừng hoạt động đột ngột do sự cố mất điện, sử dụng máy phát điện dự phòng để tiếp tục duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đấu nối nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m^3/ngày đêm (24 giờ) của Cụm công nghiệp Tiên Tiến

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (QCVN 40:2011/BTNMT cột B)
I	**Đối với các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong CCN Tiên Tiến**		
1	Nhiệt độ	^oC	40
2	Độ màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	COD	mg/l	150
5	$BOD_5(20^0C)$	mg/l	50
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Đồng	mg/l	2
13	Kẽm	mg/l	3
14	Niken	mg/l	0,5
15	Mangan	mg/l	1
16	Sắt	mg/l	5
17	Tổng xianua	mg/l	0,1
18	Tổng Phenol	mg/l	0,5
19	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	10
20	Sunfua (S^{2-})	mg/l	0,5
21	Florua (F^-)	mg/l	10
22	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
23	Tổng nitơ	mg/l	40
24	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
25	Clorua	mg/l	1.000
26	Clo dư	mg/l	2
27	Crom (III)	mg/l	1
28	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5000

29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
31	Tổng PCB	mg/l	0,01
II	**Đối với Khu dịch vụ nhà ở Công nhân Quang Tiến**		
1	COD	mg/l	1009,3
2	$BOD_5(20^0C)$	mg/l	565,6
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	443,7
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	113,1
5	Tổng nitơ	mg/l	181,9
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	12,9

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày dự án được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m^3/ngày đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí (01 điểm tại ngăn bể gom tiếp nhận nước thải đầu vào; 01 điểm tại mương quan trắc tự động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường đã quy định./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 57 /GPMT-UBND ngày 25 /6 /2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	16 01 08	23,5
2	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	30,5
3	Bao bì cứng bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	3
4	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	7
	Tổng			**1.094**

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của CCN Tiến Tiến phát sinh với công suất 3.000 m^3 ngày đêm khoảng 03 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 150 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ, xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng đựng rác chuyên dụng loại từ 60 lít đến 240 lít.

- Kho lưu chứa: 20m^2.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ, xử lý chất thải thông thường

- Bố trí thùng đựng rác chuyên dụng loại từ 60 lít đến 240 lít có nắp đậy.

- Kho chứa: Không có.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: được tập trung trong 01 thùng rác có nắp đậy (loại thùng 240L).

- Thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, đem đi xử lý tần suất 1 lần/ngày hoặc thu gom theo chính quyền địa phương trường hợp chất thải sinh hoạt nhỏ hơn 300 kg/ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 57 /GPMT-UBND ngày 25 /6 /2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế, thi công và vận hành đấu nối hệ thống thoát nước thải đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật của đường nối cụm công nghiệp Tiên Tiến và khu công nghiệp Yên Quang, đồng thời tuân theo các quy định pháp luật hiện hành. Nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến kết cấu, sự ổn định của công trình đường nối cụm công nghiệp Tiên Tiến và khu công nghiệp Yên Quang và các công trình hạ tầng kỹ thuật xung quanh, công ty Cổ phần thương mại Dạ Hợp phải có trách nhiệm bồi thường và sửa chữa lại công trình nhà nước theo quy định.

2. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng các quy định tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: " Cụm công nghiệp Tiên Tiến tại xã Quang Tiến, thành phố Hoà Bình". Nếu để xảy ra các sự cố gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên xung quanh công ty Cổ phần thương mại Dạ Hợp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất có ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác có liên quan và các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, giải quyết theo quy định. Các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.